

DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN KHOA RĂNG HÀM MẶT

STT	MÃ	DANH MỤC KỸ THUẬT	Phân loại kỹ thuật
		A. RĂNG	
1	2030.16.33	Phẫu thuật cắt lợi điều trị túi quanh răng	T2
2	2030.16.38	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite	T2
3	2030.16.39	Điều trị áp xe quanh răng cấp	T2
4	2030.16.40	Điều trị áp xe quanh răng mạn	T2
5	2030.16.41	Điều trị viêm quanh răng	T3
6	2030.16.42	Chích áp xe lợi	T3
7	2030.16.43	Lấy cao răng	T3
8	2030.16.50	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	T2
9	2030.16.52	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trạm xoay cầm tay	T2
10	2030.16.57	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi	T3
11	2030.16.68	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	T3
12	2030.16.69	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam	T3
13	2030.16.70	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement	T3
14	2030.16.71	Phục hồi cổ răng bằng Glasslonomer Cement	T3
15	2030.16.72	Phục hồi cổ răng bằng Composite	T3
16	2030.16.73	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà	T3
17	2030.16.82	Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc	T3
18	2030.16.83	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt	T3
19	2030.16.84	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)	T3
20	2030.16.104	Chụp nhựa	T3
21	2030.16.105	Chụp kim loại	T3
22	2030.16.106	Chụp hợp kim thường cần nhựa	T3
23	2030.16.107	Chụp hợp kim thường cần sứ	T3
24	2030.16.108	Chụp hợp kim Titanium cần sứ	T3
25	2030.16.109	Chụp sứ toàn phần	T3
26	2030.16.110	Chụp kim loại quý cần sứ	T3
27	2030.16.111	Chụp sứ Cercon	T2
28	2030.16.112	Cầu nhựa	T3
29	2030.16.113	Cầu hợp kim thường	T3
30	2030.16.114	Cầu kim loại cần nhựa	T3
31	2030.16.115	Cầu kim loại cần sứ	T3
32	2030.16.116	Cầu hợp kim Titanium cần sứ	T3
33	2030.16.117	Cầu kim loại quý cần sứ	T3
34	2030.16.118	Cầu sứ toàn phần	T3
35	2030.16.119	Cầu sứ Cercon	T2
36	2030.16.120	Chốt cùi đúc kim loại	T2
37	2030.16.121	Cùi đúc Titanium	T2
38	2030.16.122	Cùi đúc kim loại quý	T2
39	2030.16.127	Veneer Composite gián tiếp	T3
40	2030.16.128	Veneer sứ toàn phần	T3
41	2030.16.129	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường	T3
42	2030.16.130	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường	T3
43	2030.16.131	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo	T3
44	2030.16.132	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo	T3
45	2030.16.133	Hàm khung kim loại	T3
46	2030.16.134	Hàm khung Titanium	T2
47	2030.16.135	Máng hở mặt nhai	T2

48	2030.16.136	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng	T3
49	2030.16.137	Tháo cầu răng giả	T3
50	2030.16.138	Tháo chụp răng giả	T3
51	2030.16.139	Sửa hàm giả gãy	T3
52	2030.16.140	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp	T3
53	2030.16.141	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp	T3
54	2030.16.142	Đệm hàm nhựa thường	T3
55	2030.16.203	Nhổ răng vĩnh viễn	T3
56	2030.16.204	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	T3
57	2030.16.205	Nhổ chân răng vĩnh viễn	T3
58	2030.16.206	Nhổ răng thừa	T3
59	2030.16.213	Cắt lợi xơ cho răng mọc	T3
60	2030.16.214	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	T3
61	2030.16.220	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	T2
62	2030.16.221	Điều trị viêm quanh thân răng cấp	T3
63	2030.16.222	Trám bít hố rãnh với Glasslonomer Cement quang trùng hợp	T3
64	2030.16.223	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp	T3
65	2030.16.224	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	T3
66	2030.16.225	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	T3
67	2030.16.226	Trám bít hố rãnh bằng Glasslonomer Cement	T3
68	2030.16.227	Hàn răng không sang chân với Glasslonomer Cement	T3
69	2030.16.228	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt	T3
70	2030.16.229	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor	T3
71	2030.16.230	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	T3
72	2030.16.231	Lấy tủy buồng răng sữa	T3
73	2030.16.232	Điều trị tủy răng sữa	T3
74	2030.16.233	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit	T3
75	2030.16.234	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA	T3
76	2030.16.235	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam	T3
77	2030.16.236	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glasslonomer Cement	T3
78	2030.16.237	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn	T3
79	2030.16.238	Nhổ răng sữa	T3
80	2030.16.239	Nhổ chân răng sữa	T3
81	2030.16.240	Chích Apxe lợi trẻ em	T3
82	2030.16.241	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)	T3
		B. HÀM MẶT	
83	2030.16.295	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hồng tổ chức	T2
84	2030.16.296	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	T3
85	2030.16.298	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	T3
86	2030.16.299	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt	T3
87	2030.16.300	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	T3
88	2030.16.301	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	T3
89	2030.16.315	Gây tê vùng điều trị cơn đau thần kinh V ngoại biên	T3
90	2030.16.334	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt	T3
91	2030.16.335	Nắn sai khớp thái dương hàm	T3
92	2030.16.337	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê	T3
93	2030.16.338	Chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt	T3
94	2030.16.340	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp	T3